

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì tiền thân là Nhà máy Hóa chất số 1 Việt Trì trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Theo lộ trình đổi mới doanh nghiệp của Nhà nước, Công ty đã chính thức chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty cổ phần vào ngày 04 tháng 01 năm 2006, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2600108217 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 15 tháng 11 năm 2022.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại : (0210) 3911 696
- Fax : (0210) 3911 512

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh hóa chất cơ bản.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đình Khoát	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Quốc Cương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2023
Ông Văn Đình Hoan	Thành viên	
Ông Phạm Ngọc Phú	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Bách	Thành viên	
Ông Nguyễn Huy Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2023
Ông Khúc Ngọc Giảng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Việt Dũng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên
Bà Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ
Ông Văn Đình Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bách	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Hải Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh Hoa	Kế toán trưởng

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Văn Đình Hoan - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Văn Đình Hoan

Ngày 29 tháng 02 năm 2024

981
II NH
CÔNG
NHIỆ
OÁN
A &
AI H
DA

Số: 2.0118/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

-00-
ÁNH
TY
HỮU
À TỬ
C
NỘ
TP.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 06 tháng 3 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 2897-2020-008-1

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		400.133.799.337	459.477.881.010
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.995.343.184	33.623.430.547
1. Tiền	111		22.995.343.184	8.623.430.547
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	25.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		52.500.000.000	102.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	52.500.000.000	102.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		161.484.647.409	160.270.410.945
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	84.148.681.865	140.076.440.750
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	74.778.519.310	863.782.786
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	13.544.316.228	30.642.953.359
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(10.986.869.994)	(11.312.765.950)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		139.718.993.394	138.708.461.226
1. Hàng tồn kho	141	V.7	139.718.993.394	140.777.931.249
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.069.470.023)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.434.815.350	24.375.578.292
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	22.445.342.411	19.986.605.147
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	4.388.973.145
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	989.472.939	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Z
I
I
I
★

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		354.504.927.530	228.925.911.648
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		313.384.654.469	221.219.683.226
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	313.384.654.469	221.219.683.226
<i>Nguyên giá</i>	222		1.041.457.966.539	899.397.614.782
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(728.073.312.070)	(678.177.931.556)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		471.977.314	471.977.314
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(471.977.314)	(471.977.314)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		26.364.454.218	1.668.198.770
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	26.364.454.218	1.668.198.770
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.755.818.843	6.038.029.652
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	14.755.818.843	6.038.029.652
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		754.638.726.867	688.403.792.658

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		355.713.078.039	251.222.156.053
I. Nợ ngắn hạn	310		312.672.154.337	250.412.711.813
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	92.169.443.688	79.343.000.193
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.487.993.939	2.740.128.282
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.203.124.569	18.470.487.542
4. Phải trả người lao động	314		18.920.749.019	18.448.754.001
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	7.216.376.161	2.864.580.622
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	27.317.587.301	21.233.820.229
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	119.865.868.620	85.134.255.272
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	36.491.011.040	22.177.685.672
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		43.040.923.702	809.444.240
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	43.040.923.702	809.444.240
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		398.925.648.828	437.181.636.605
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	398.925.648.828	437.181.636.605
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		109.880.590.000	109.880.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		109.880.590.000	109.880.590.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		184.270.274.371	131.167.672.269
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		104.774.784.457	196.133.374.336
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		48.105.741.867	19.124.700.664
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		56.669.042.590	177.008.673.672
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		754.638.726.867	688.403.792.658

Lập, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Hoa

Tổng Giám đốc



Văn Đình Hoan

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.357.690.315.145	1.470.522.794.027
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	98.946.067.238	94.328.321.693
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.258.744.247.907	1.376.194.472.334
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.027.412.805.019	1.010.790.542.295
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		231.331.442.888	365.403.930.039
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	9.680.967.530	7.424.053.147
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	17.362.209.058	17.723.969.223
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.164.930.878	4.387.497.575
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	87.435.648.349	89.745.412.259
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	52.191.474.327	47.410.629.983
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		84.023.078.684	217.947.971.721
11. Thu nhập khác	31	VI.8	4.492.642.117	4.243.211.995
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.713.768.660	836.207.002
13. Lợi nhuận khác	40		1.778.873.457	3.407.004.993
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		85.801.952.141	221.354.976.714
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	18.144.850.551	44.346.303.042
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>67.657.101.590</u>	<u>177.008.673.672</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>5.542</u>	<u>14.470</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>5.542</u>	<u>14.470</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Hoa

Lập, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc



Văn Đình Hoan

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		85.801.952.141	221.354.976.714
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	58.315.937.701	52.049.154.181
- Các khoản dự phòng	03	VI.3, 7	(2.395.365.979)	1.382.066.392
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.492.787.308)	(6.092.570.226)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	5.164.930.878	4.387.497.575
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(1.952.692.144)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		139.394.667.433	271.128.432.492
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		74.838.919.610	(59.668.009.313)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.058.937.855	(62.018.415.060)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		14.629.671.051	9.575.905.385
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(11.176.526.455)	(13.421.756.655)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.504.317.570)	(4.824.190.019)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(30.213.968.302)	(33.685.492.268)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	32.350.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(3.520.538.546)	(8.023.615.748)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		179.539.195.076	99.062.858.814
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(248.404.108.511)	(59.591.957.435)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		33.000.000	208.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(154.500.000.000)	(397.413.918.704)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		204.500.000.000	399.913.918.704
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.151.868.062	5.916.208.580
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(190.219.240.449)	(50.967.748.855)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	404.533.852.795	267.456.742.410
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(327.570.759.985)	(270.696.373.788)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(76.911.134.800)	(16.481.768.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		51.958.010	(19.721.399.468)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.628.087.363)	28.373.710.491
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	33.623.430.547	5.249.720.056
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	22.995.343.184	33.623.430.547

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Hoa

Lập, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc

Văn Đình Hoan

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh hóa chất cơ bản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh hóa chất cơ bản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 352 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 330 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

981
HI N
CÔNG
NHIỆ
TOÁN
A 8
TẠI H
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

5-0
ÁN
TY
H
À T
C
N
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Hệ thống quản lý chất lượng mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	225.476.191	192.184.416
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.769.866.993	8.431.246.131
Các khoản tương đương tiền	-	25.000.000.000
Cộng	22.995.343.184	33.623.430.547

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 4,5% - 7,6%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

Trong đó, 2 hợp đồng tiền gửi số tiền 20.000.000.000 VND đang sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	881.907.886	2.712.250.891
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	881.907.886	722.946.612
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX- Chi nhánh tại Bắc Ninh	-	294.883.663
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	-	1.565.518.080
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	-	128.902.536
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	83.266.773.979	137.364.189.859
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	11.828.759.632	15.977.183.344
Công ty TNHH Sản xuất Tân Thành	12.841.371.041	13.142.172.032
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	14.814.085.410	64.034.850.240
Các khách hàng khác	43.782.557.896	44.209.984.243
Cộng	84.148.681.865	140.076.440.750

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	-	88.301.700
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	-	88.301.700
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	74.778.519.310	775.481.086
Công ty TNHH MTV Dương Tú Tuấn ^(*)	72.997.277.720	-
Các nhà cung cấp khác	1.781.241.590	775.481.086
Cộng	74.778.519.310	863.782.786

^(*) Ứng trước theo Hợp đồng số 22.9/2023/HĐ/VT-NB ngày 22 tháng 9 năm 2023 gói thầu EPC Thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng: Dự án Đầu tư dây chuyền công nghệ sản xuất chất khử trùng các nguồn nước phục vụ sinh hoạt và nuôi trồng thủy sản từ nguồn nguyên liệu có sẵn trong nước công suất 9.000 tấn/năm - tương đương 30 tấn/ngày.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	768.523.289	-	1.438.041.097	-
Tạm ứng	438.693.411	-	708.636.689	-
Ký cược, ký quỹ	406.240.200	-	20.000.000.000	-
Ông Phan Anh Tuấn ^(*)	7.241.712.000	(7.241.712.000)	7.241.712.000	(7.241.712.000)
Thuế GTGT chưa kê khai	3.261.678.142	-	-	-
Thuế TNCN phải thu cán bộ công nhân viên	929.158.087	-	1.132.534.345	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	498.311.099	-	122.029.228	-
Cộng	13.544.316.228	(7.241.712.000)	30.642.953.359	(7.241.712.000)

^(*) Ngày 11/08/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hà Nội đã xét xử phúc thẩm và công bố bản án số 394/2020/HS-PT của vụ án bà Lưu Thị Tình cùng ông Phan Anh Tuấn chiếm đoạt tài sản của Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì.

Trong đó:

+ Bà Lưu Thị Tình đã hoàn trả đầy đủ tiền chiếm hưởng để đền bù thiệt hại;

+ Ông Phan Anh Tuấn chiếm hưởng 7.241.712.000 VND nhưng chưa hoàn trả. Tòa yêu cầu buộc ông Phan Anh Tuấn phải hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì toàn bộ số tiền này. Đồng thời tòa đã tuyên án hai đối tượng này phải chấp hành án tù theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 08/10/2020, Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì đã gửi đơn yêu cầu thi hành án số 310/CV-HVT đến Cục thi hành án Dân sự tỉnh Phú Thọ về việc đề nghị Cục thi hành bản án số 394/2020/HS-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu trên.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng 100% với khoản phải thu đối tượng Phan Anh Tuấn từ năm 2018.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Quá hạn trên 3 năm	10.592.453.764	(10.592.453.764)	10.948.395.237	(10.948.395.237)
Phan Anh Tuấn	7.241.712.000	(7.241.712.000)	7.241.712.000	(7.241.712.000)
Công ty TNHH Thương mại Thành Phát	509.699.629	(509.699.629)	509.699.629	(509.699.629)
Công ty Cổ phần Thép Việt Thanh	277.591.238	(277.591.238)	277.591.238	(277.591.238)
Công ty TNHH Minh Nguyên	496.014.290	(496.014.290)	496.014.290	(496.014.290)
Công ty Cổ phần Giấy BBP	597.459.435	(597.459.435)	597.459.435	(597.459.435)
Công ty Cổ phần Đất hiếm Việt Nam	1.117.126.204	(1.117.126.204)	1.553.626.204	(1.553.626.204)
Công ty Cổ phần Thúi Đạt	186.244.472	(186.244.472)	186.244.472	(186.244.472)
Hợp tác xã Xuân Dương	60.000.000	(60.000.000)	60.000.000	(60.000.000)
Công ty TNHH Khánh Nam	26.047.969	(26.047.969)	26.047.969	(26.047.969)
Công ty TNHH TV Galvanizing JV	80.558.527	(80.558.527)	-	-
Quá hạn từ 1 đến 3 năm	565.959.488	(394.416.230)	696.518.015	(364.370.713)
Các đối tượng khác	565.959.488	(394.416.230)	696.518.015	(364.370.713)
Cộng	11.158.413.252	(10.986.869.994)	11.644.913.252	(11.312.765.950)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.312.765.950	12.000.169.581
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	(325.895.956)	(687.403.631)
Số cuối năm	10.986.869.994	11.312.765.950

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	26.619.687.549	-	49.771.796.040	-
Nguyên liệu, vật liệu	70.387.123.660	-	54.712.101.162	-
Công cụ, dụng cụ	16.005.657.332	-	8.081.400.696	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.237.434.907	-	697.764.497	-
Thành phẩm	23.852.936.094	-	27.278.811.509	(2.069.470.023)
Hàng hóa	1.616.153.852	-	236.057.345	-
Cộng	139.718.993.394	-	140.777.931.249	(2.069.470.023)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.069.470.023	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	2.069.470.023
Hoàn nhập dự phòng	<u>(2.069.470.023)</u>	-
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>2.069.470.023</u>

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.304.255.265	15.093.385.173
Chi phí sửa chữa	15.141.087.146	4.893.219.974
Cộng	<u>22.445.342.411</u>	<u>19.986.605.147</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.707.001.758	6.038.029.652
Chi phí sửa chữa	2.048.817.085	-
Cộng	<u>14.755.818.843</u>	<u>6.038.029.652</u>

00
/ 3H
Y
/ 00
TU
/ 01
P.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	78.946.386.514	676.852.621.915	51.388.870.567	92.209.735.786	899.397.614.782
Mua trong năm	-	24.869.144.182	-	980.257.149	25.849.401.331
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	287.736.111	114.476.785.020	-	-	114.764.521.131
Nâng cấp tài sản cố định	-	682.859.455	-	-	682.859.455
Tài sản cố định hình thành từ quỹ phúc lợi	9.413.793.426	-	-	-	9.413.793.426
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.650.223.586)	-	-	(8.650.223.586)
Số cuối năm	88.647.916.051	808.231.186.986	51.388.870.567	93.189.992.935	1.041.457.966.539
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	27.750.095.565	427.660.155.314	32.949.592.519	50.299.981.049	538.659.824.447
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	41.820.118.237	526.858.588.100	40.536.170.576	68.963.054.643	678.177.931.556
Khấu hao trong năm	3.251.865.394	44.719.380.167	2.268.910.927	8.075.781.213	58.315.937.701
Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi	207.103.453	-	-	-	207.103.453
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.627.660.640)	-	-	(8.627.660.640)
Số cuối năm	45.279.087.084	562.950.307.627	42.805.081.503	77.038.835.856	728.073.312.070
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	37.126.268.277	149.994.033.815	10.852.699.991	23.246.681.143	221.219.683.226
Số cuối năm	43.368.828.967	245.280.879.359	8.583.789.064	16.151.157.079	313.384.654.469
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 158.778.791.413 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	26.364.454.218	1.668.198.770
Công trình đầu tư chất khử trùng các nguồn nước 9000 tấn/năm ^(*)	24.401.011.218	1.112.698.564
Dự án khác	1.963.443.000	555.500.206
Cộng	26.364.454.218	1.668.198.770

(*) Dự án: Dây chuyền công nghệ sản xuất chất khử trùng các nguồn nước phục vụ sinh hoạt và nuôi trồng thủy sản từ nguồn nước có sẵn trong nước, công suất 9000 tấn/năm;

- Mục đích xây dựng: Phát triển sản xuất kinh doanh;

- Nguồn vốn đầu tư: 35% vốn tự có và 65% vốn vay thương mại;

- Tổng mức đầu tư: 210.769.000.000 VND;

- Tại thời điểm 31/12/2023 dự án đang được thực hiện và dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

Dự án được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	1.560.260.438	77.328.000
Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng	55.274.400	77.328.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa Chất	1.504.986.038	
Phải trả các nhà cung cấp khác	90.609.183.250	79.265.672.193
Công ty TNHH Muối Khánh Vinh	-	9.851.395.040
Công ty TNHH VT Chemical Việt Nam	18.617.337.679	9.279.386.856
Công ty Điện lực Phú Thọ	10.285.088.974	7.971.655.417
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Hà	12.702.718.080	2.018.135.434
Các nhà cung cấp khác	49.004.038.517	50.145.099.446
Cộng	92.169.443.688	79.343.000.193

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	4.157.564	7.139.324
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao	2.309.564	7.139.324
Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	1.848.000	-
Trả trước của các khách hàng khác	4.483.836.375	2.732.988.958
Công ty TNHH Công nghệ hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	2.141.171.501	1.032.653.274
Công ty Cổ phần DNP HAWACO	714.581.028	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Văn Minh Việt Nam	566.252.506	-
Các khách hàng khác	1.061.831.340	1.700.335.684
Cộng	4.487.993.939	2.740.128.282

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	18.261.584.181	(18.440.117.468)	-	178.533.287	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	66.143.018	(66.143.018)	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.013.968.302	18.144.850.551	(30.213.968.302)	5.944.850.551	-	
Thuế thu nhập cá nhân	456.519.240	2.476.597.625	(2.674.842.847)	258.274.018	-	
Tiền thuê đất	-	1.176.747.609	(1.987.687.261)	-	810.939.652	
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	
Cộng	18.470.487.542	40.128.922.984	(53.385.758.896)	6.203.124.569	989.472.939	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	85.801.952.141	221.354.976.714
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.342.853.502	376.538.497
- Chi phí loại trừ	1.342.853.502	376.538.497
Thu nhập chịu thuế	87.144.805.643	221.731.515.211
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	17.428.961.129	44.346.303.042
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	715.889.422	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	18.144.850.551	44.346.303.042

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đất theo Thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của Cục thuế tỉnh Phú Thọ (xem thuyết minh số V.19a).

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌĐịa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vận chuyển	4.342.660.602	-
Chi phí lãi vay phải trả	645.592.501	984.979.193
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.228.123.058	1.879.601.429
Cộng	<u>7.216.376.161</u>	<u>2.864.580.622</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>7.586.219.000</i>	<i>60.000.000</i>
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam – Cổ tức phải trả	7.526.219.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị	60.000.000	60.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>19.731.368.301</i>	<i>21.173.820.229</i>
Kinh phí công đoàn	423.918.280	194.892.080
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.265.002.000	6.191.240.000
Cổ tức phải trả	3.494.719.607	27.601.407
Chiết khấu phải trả	10.974.585.558	14.056.239.244
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	573.142.856	703.847.498
Cộng	<u>27.317.587.301</u>	<u>21.233.820.229</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay**16a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	89.928.544.520	47.328.495.422
<i>Ngân hàng Shinhan Bank – Chi nhánh Hà Nội⁽ⁱ⁾</i>	<i>39.338.801.595</i>	<i>47.328.495.422</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	<i>48.631.018.637</i>	<i>-</i>
<i>– Chi nhánh Phú Thọ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>1.958.724.288</i>	<i>-</i>
<i>– Chi nhánh Hùng Vương⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(iv)	9.749.326.000	13.482.536.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	20.187.998.100	24.323.223.850
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>-</i>	<i>14.555.609.050</i>
<i>– Chi nhánh Hùng Vương</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>- Chi nhánh Hùng Vương</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Vay cá nhân	5.187.998.100	9.767.614.800
Cộng	<u>119.865.868.620</u>	<u>85.134.255.272</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Shinhan Bank - Chi nhánh Hà Nội có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất dao động trong khoảng từ 4,8 - 5,6%/năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất dao động từ khoảng 3,6 - 3,9%/năm.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất 3,9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iv) Các khoản huy động vốn ngắn hạn của người lao động trong công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với mức lãi suất 2,0% - 7,0%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	47.328.495.422	13.482.536.000	24.323.223.850	85.134.255.272
Số tiền vay phát sinh trong năm	318.486.381.593	15.785.882.300	-	334.272.263.893
Gia hạn khoản vay sau khi đáo hạn	-	-	(4.579.616.700)	(4.579.616.700)
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	22.500.000.000	22.500.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(275.886.332.495)	(19.519.092.300)	(22.055.609.050)	(317.461.033.845)
Số cuối năm	89.928.544.520	9.749.326.000	20.187.998.100	119.865.868.620

16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	36.405.554.702	809.444.240
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương ⁽ⁱ⁾	17.641.910.462	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương ⁽ⁱⁱ⁾	18.763.644.240	809.444.240
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	6.635.369.000	-
Cộng	43.040.923.702	809.444.240

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương có tài sản đảm bảo để phục vụ hoạt động xây dựng cơ bản. Lãi suất trong hạn 8,5% - 9%/năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương có tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Công ty. Lãi suất trong hạn 7,5%/năm.
- (iii) Các khoản huy động vốn dài hạn của người lao động trong Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với mức lãi suất 2,0% - 8,5%/năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	51.405.554.702	15.000.000.000	36.405.554.702	-
Vay dài hạn các cá nhân	11.823.367.100	5.187.998.100	6.635.369.000	-
Cộng	63.228.921.802	20.187.998.100	43.040.923.702	
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	15.365.053.290	14.555.609.050	809.444.240	-
Vay dài hạn các cá nhân	9.767.614.800	9.767.614.800	-	-
Cộng	25.132.668.090	24.323.223.850	809.444.240	

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các cá nhân	Cộng
Số đầu năm	809.444.240	-	809.444.240
Số tiền vay phát sinh trong năm	58.905.554.702	11.356.034.200	70.261.588.902
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(22.500.000.000)	-	(22.500.000.000)
Gia hạn khoản vay sau khi đáo hạn	-	4.579.616.700	4.579.616.700
Số tiền vay đã trả trong năm	(809.444.240)	(9.300.281.900)	(10.109.726.140)
Số cuối năm	36.405.554.702	6.635.369.000	43.040.923.702

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	Quỹ thưởng Ban quản lý, Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	11.049.849.115	10.911.836.557	-	216.000.000	22.177.685.672
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	8.850.433.684	8.850.433.683	-	307.750.000	18.008.617.367
Tăng khác	32.350.000	-	-	-	32.350.000
Chi quỹ trong năm	(966.000.000)	(2.044.517.360)	-	(510.021.186)	(3.520.538.546)
Kết chuyển nguồn hình thành TSCĐ từ quỹ phúc lợi	-	(9.413.793.426)	9.413.793.426	-	-
Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	-	-	(207.103.453)	-	(207.103.453)
Số cuối năm	18.966.632.799	8.303.959.454	9.206.689.973	13.728.814	36.491.011.040

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước				
Số dư đầu năm	109.880.590.000	96.974.177.787	76.854.982.542	283.709.750.329
Lợi nhuận trong năm	-	-	177.008.673.672	177.008.673.672
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	34.193.494.482	(34.193.494.482)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.838.698.896)	(6.838.698.896)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(216.000.000)	(216.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(16.482.088.500)	(16.482.088.500)
Số dư cuối năm	109.880.590.000	131.167.672.269	196.133.374.336	437.181.636.605
Năm nay				
Số dư đầu năm	109.880.590.000	131.167.672.269	196.133.374.336	437.181.636.605
Lợi nhuận trong năm	-	-	67.657.101.590	67.657.101.590
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	53.102.602.102	(53.102.602.102)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(17.700.867.367)	(17.700.867.367)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(307.750.000)	(307.750.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	(76.916.413.000)	(76.916.413.000)
Tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2023 ^(*)	-	-	(10.988.059.000)	(10.988.059.000)
Số dư cuối năm	109.880.590.000	184.270.274.371	104.774.784.457	398.925.648.828

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Nghị quyết Hội đồng quản trị số 55/2023/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2023 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện 10%/mệnh giá (01 cổ phiếu nhận cổ tức 1.000 đồng). Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền là 08 tháng 01 năm 2024. Ngày thực hiện chi trả cổ tức là 16 tháng 02 năm 2024.

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	75.262.190.000	75.262.190.000
Cổ đông khác	34.618.400.000	34.618.400.000
Cộng	109.880.590.000	109.880.590.000

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.988.059	10.988.059
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	10.988.059	10.988.059
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.988.059	10.988.059

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 số 18/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 76.916.413.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 53.102.602.102
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 17.700.867.367
• Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	: 307.750.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

19a. Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ số 59/2021/HĐTĐ tại phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì với diện tích thuê 81.765,2 m² và số 03/2016/HĐTĐ tại phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì với diện tích thuê 19.056,5 m² để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê đất 49 năm từ năm 1996 đến năm 2045. Tổng diện tích các khu đất thuê là 100.821,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành Nhà nước.

19b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Trần Văn Tuấn	50.000.000	50.000.000
Lê Văn Thụ	277.500.833	277.500.833
Công ty Cổ phần Việt Hòa	123.497.132	123.497.132
Công ty Cổ phần Bột và Giấy Hòa Bình	387.193.098	387.193.098
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Thống Nhất	269.764.704	269.764.704
Đối tượng khác	35.562.289	35.562.289
Cộng	1.143.518.056	1.143.518.056

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	97.365.880.350	76.694.526.585
Doanh thu bán thành phẩm	1.258.904.259.795	1.392.527.807.442
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.420.175.000	1.300.460.000
Cộng	<u>1.357.690.315.145</u>	<u>1.470.522.794.027</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX - Chi nhánh tại Bắc Ninh	913.004.000	4.018.946.850
Công ty cổ phần Suphephôt phát và Hoá chất Lâm Thao	23.964.800	16.464.000
Công ty TNHH Một thành viên Apatit Việt Nam	6.583.083.469	11.219.712.000
Công ty TNHH Một thành viên Đạm Ninh Bình	8.778.559.350	10.060.117.050
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	-	119.354.200
Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	-	92.400.000

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	98.809.442.238	92.225.121.693
Giảm giá hàng bán	136.625.000	2.103.200.000
Cộng	<u>98.946.067.238</u>	<u>94.328.321.693</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	118.543.848.096	82.050.115.943
Giá vốn của thành phẩm đã bán	908.836.012.946	925.153.873.329
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.102.414.000	1.517.083.000
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(2.069.470.023)	2.069.470.023
Cộng	<u>1.027.412.805.019</u>	<u>1.010.790.542.295</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.482.350.254	5.909.574.422
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	49.123.066	106.995.804
Lãi bán hàng trả chậm	2.149.494.210	1.407.482.921
Cộng	<u>9.680.967.530</u>	<u>7.424.053.147</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	5.164.930.878	4.387.497.575
Chiết khấu thanh toán cho người mua	12.197.278.180	13.336.471.648
Cộng	17.362.209.058	17.723.969.223

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	2.578.213.000	2.483.579.800
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.125.462.919	1.824.060.292
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	113.767.901	269.115.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.141.246.114	1.386.019.570
Chi phí vận chuyển	77.128.232.612	70.892.773.190
Chi phí khuyến mãi	413.259.305	285.926.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.586.554.209	9.146.089.318
Các chi phí khác	1.348.912.289	3.457.848.861
Cộng	87.435.648.349	89.745.412.259

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	21.763.401.493	21.145.543.681
Chi phí vật liệu quản lý	2.100.609.743	1.776.456.993
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.220.790.175	1.769.095.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	823.529.869	856.046.177
Thuế, phí và lệ phí	1.144.412.577	1.148.742.538
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(325.895.956)	(687.403.631)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.179.347.160	3.517.261.679
Các chi phí khác	17.285.279.266	17.884.887.352
Cộng	52.191.474.327	47.410.629.983

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	10.437.054	76.000.000
Nhập kho vật tư do kiểm kê thừa	2.795.081.867	-
Bán axit thải	468.302.100	1.183.632.000
Hoàn nhập quỹ Khoa học và công nghệ	-	1.952.692.144
Thu nhập từ cung cấp dịch vụ kiểm định vệ sinh	454.500.000	636.700.000
Thu nhập khác	764.321.096	394.187.851
Cộng	4.492.642.117	4.243.211.995

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất kho PAC cận bã xử lý chất thải	1.057.738.633	-
Các khoản phạt	1.210.853.502	226.538.497
Các khoản chi phí khác	445.176.525	609.668.505
Cộng	2.713.768.660	836.207.002

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	67.657.101.590	177.008.673.672
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.761.690.523)	(18.008.617.367)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ Ban điều hành^(*)</i>	<i>(6.761.690.523)</i>	<i>(18.008.617.367)</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	60.891.391.431	159.000.056.305
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	10.988.059	10.988.059
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>5.542</u>	<u>14.470</u>

(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại, giảm từ 14.498 VND xuống còn 14.470 VND, do xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 18/2023/NQ-ĐHĐCĐ 24 tháng 4 năm 2023.

(ii) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành được tạm tính theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế năm nay. Tỷ lệ này được xác định theo điều lệ của Công ty.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	754.124.309.500	793.739.230.902
Chi phí nhân công	73.073.838.073	69.114.029.041
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.315.937.701	52.049.154.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.725.231.581	131.201.675.627
Chi phí khác	28.669.511.493	32.201.264.816
Cộng	<u>1.058.908.828.348</u>	<u>1.078.305.354.567</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.15.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Kỳ này	Chức danh	Tiền lương/thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Nguyễn Đình Khoát	Chủ tịch Hội đồng quản trị (từ 24/4/2023)	-	40.000.000	40.000.000
Ông Trần Quốc Cương	Chủ tịch Hội đồng quản trị (đến 24/4/2023)	-	20.000.000	20.000.000
Ông Văn Đình Hoan	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	1.187.712.786	36.000.000	1.223.712.786
Ông Nguyễn Văn Bách	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	808.731.612	36.000.000	844.731.612
Ông Khúc Ngọc Giảng	Thành viên HĐQT (đến 24/4/2023)	-	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Huy Quang	Thành viên HĐQT (từ 24/4/2023)	-	24.000.000	24.000.000
Ông Phạm Ngọc Phú	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Đào Hải Linh	Phó Tổng Giám đốc	862.264.329	-	862.264.329
Ông Lê Việt Dũng	Trưởng BKS	366.466.434	-	366.466.434
Bà Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên BKS	-	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên BKS	40.620.075	36.000.000	76.620.075
Bà Lê Thị Minh Hoa	Kế toán trưởng	647.139.734	-	647.139.734
Cộng		3.912.934.970	276.000.000	4.188.934.970
Kỳ trước				
Ông Trần Quốc Cương	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	60.000.000	60.000.000
Ông Văn Đình Hoan	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	1.092.996.500	36.000.000	1.128.996.500
Ông Nguyễn Văn Bách	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	842.906.537	36.000.000	878.906.537
Ông Phạm Ngọc Phú	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Khúc Ngọc Giảng	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Đào Hải Linh	Phó Tổng Giám đốc	987.561.600	-	987.561.600
Ông Lê Việt Dũng	Trưởng BKS	338.429.505	-	338.429.505
Bà Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên BKS	-	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên BKS	151.683.300	36.000.000	187.683.300
Bà Lê Thị Minh Hoa	Kế toán trưởng	642.026.516	-	642.026.516
Cộng		4.055.603.958	276.000.000	4.331.603.958

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác**Mối quan hệ**

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Viện Hoá học Công nghiệp Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Đạm Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Suphốt phát và Hoá chất Lâm Thao	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	Cùng Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng
Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa Chất

Mối quan hệ

Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ
Cùng Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam – chia và tạm ứng cổ tức	60.209.752.000	11.289.328.500
Mua hàng hóa dịch vụ		
Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng	311.267.000	261.125.000
Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng	-	69.212.880
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	9.332.727	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	30.406.254.545	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.11, V.12 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh hóa chất cơ bản, thực hiện trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh V.18a, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Hoa

Tổng Giám đốc

Văn Đình Hoan